TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG,** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **81** /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16 – 12 – 2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quang;

2. Bà Đinh Thị Mỹ Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2025/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 7 năm 2025, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 679/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 795/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Thanh T, sinh ngày: 01/4/1992, căn cước công dân số: 060192015472, địa chỉ: Thôn A, xã S, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu T1, sinh ngày: 20/12/1989, căn cước công dân số: 060089037173, địa chỉ: Thôn A, xã S, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2025, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phan Thị Thanh T *trình bày:*

Bà T và ông Nguyễn Hữu T1 tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, có đăng ký và được UBND xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Nay là xã S, tỉnh Lâm Đồng) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 09/5/2016. Bà T, ông T1 có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thị Thủy T2, sinh ngày: 19/12/2019.

Sau khi kết hôn, bà T, ông T1 sống chung với nhau tại nhà riêng tại thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận, quá trình sống chung bà T, ông T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn liên quan đến việc ông T1 có quan hệ ngoại tình và có con với người khác, từ năm 2023, bà T, ông T1 đã sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T2 từ khi sinh ra cho đến nay. Hiện tại, bà T đang làm công nhân may cho xưởng tư nhân, thu nhập mỗi tháng vào khoảng 07 triệu đồng.

Nhận thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Hữu T1, giao cháu Nguyễn Thị Thủy T2 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, về tài sản, bà T không yêu cầu giải quyết. Mặc dù hiểu rõ mục đích của việc cấp dưỡng nuôi con nhưng vì cho rằng ông T1 không có sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục cháu T2, toàn bộ chi phí liên quan đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đều do bà T chi trả, nhận thấy ông T1 không có thiện chí trong việc chu cấp nuôi con trong khi với thu nhập hiện tại của bà T đủ khả năng để chăm sóc, giáo dục cháu nên bà T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng trong vụ án này.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý, tống đạt các văn bản tố tụng, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của

pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng khác đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở để xác định đời sống hôn nhân của bà T và ông T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, đủ điều kiện để giải quyết ly hôn, trên cơ sở trình bày của các bên đương sự, kết quả xác minh của Tòa án, nhận thấy việc giao con chung là cháu Nguyễn Thị Thủy T2 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Bà Phan Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Hữu T1, giao cháu Nguyễn Thị Thủy T2, sinh ngày: 19/12/2019 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng và tài sản, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 14 Điều 3, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 có nơi cư trú tại thôn A, xã S, tỉnh Lâm Đồng nên thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt bà Phan Thị Thanh T và ông Nguyễn Hữu T1, trong đó bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[3] Bà T trình bày hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn liên quan đến việc ông T1 có quan hệ ngoại tình và có con với người khác, từ năm 2023, bà T, ông T1

đã sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tại biên bản xác minh lập ngày 26/9/2025, Trưởng thôn thôn A, xã S cung cấp thông tin ông T1 và bà T đã không còn sống chung với nhau khoảng 04 đến 05 năm trở lại đây. Ông Nguyễn Hữu T1 đã được Tòa án tống đặt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án tham gia phiên họp, phiên tòa theo quy định là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho* ***hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được***"; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024, của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao quy định: "*Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được" là thuộc một trong các trường hợp sau đây: Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ:* ***vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân****, bỏ mặc vợ hoặc chồng"*. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đời sống hôn nhân của bà T và ông T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đủ điều kiện để cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Bà T trình bày mình là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T2 từ khi sinh ra cho đến nay, trong khi đó ông T1 không trình bày ý kiến, không tham gia phiên họp, phiên tòa giải quyết vụ án. Trên cơ sở quyền lợi về mọi mặt của con chung, điều kiện, khả năng của cha, mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, sự gắn bó, thân thiết của con với cha, mẹ, bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu T2 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024, của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao.

[6] Bà Phan Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 3 Điều 4, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024, của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh T:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thanh T ly hôn với ông Nguyễn Hữu T1.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thủy T2, sinh ngày: 19/12/2019 cho bà Phan Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Hữu T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Bà Phan Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng theo Biên lai thu số 0001059, ngày 23/7/2025

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- UBND đăng ký kết hôn;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Đình Phú